

Học thuyết nào cho sự phát triển cân bằng và bền vững nền kinh tế thế giới?

NGUYỄN NHÂM

Cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu khởi nguồn từ Mỹ (đầu năm 2008) đến nay vẫn chưa kết thúc; cuộc khủng này cũng là thời điểm đánh dấu sự cáo chung của chủ nghĩa tự do mới - học thuyết kinh tế tư sản hiện đại đã từng chi phối sự phát triển nền kinh tế toàn cầu. Vấn đề lớn đặt ra hiện nay là cần học thuyết nào bảo đảm sự phát triển cân bằng và bền vững cho nền kinh tế thế giới.

Cuộc đại khủng hoảng kinh tế toàn cầu khởi nguồn từ Mỹ hồi đầu năm 2008 cho đến nay đã được hơn hai năm, nhân loại đã không chỉ chứng kiến những đảo lộn về kinh tế mà cả chính trị - xã hội toàn cầu cũng nảy sinh những vấn đề mới, thu hút sự quan tâm của các nhà nghiên cứu khoa học, các nhà hoạch định chính sách quốc gia và quốc tế.

Khi cuộc khủng hoảng kinh tế ở Mỹ đang lan ra toàn cầu thì tại khóa họp thường niên lần thứ 63 của Đại hội đồng Liên hợp quốc ngày 23-9-2008, Tổng thống Pháp Nicolas Sarkozy, Chủ tịch luân phiên của Liên minh Châu Âu (EU) đã kêu gọi các nhà lãnh đạo chủ chốt của thế giới tổ chức một cuộc họp thượng đỉnh để rút ra bài học từ cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, đồng thời *"tái xây dựng một chủ nghĩa tư bản điều chỉnh"*.

Cũng chỉ trong thời gian hơn 5 tháng kể từ tháng 4 đến tháng 9 năm 2009, thế giới cũng đã chứng kiến 2 hội nghị Thượng đỉnh nhóm 20 nền kinh tế lớn nhất thế giới (G-20). Tại Hội nghị G-20 diễn ra ở Pittsburgh (Mỹ) ngày 24-9-2009, Thủ tướng Anh - ông Gordon Brown lại kêu gọi hình thành một *"cơ chế quản lý kinh tế toàn cầu mới"*.

Vào cuối năm 2009 (ngày 20-11), tại cuộc gặp các đại diện của trên 50 đảng cánh tả ở thủ đô Caracas, Tổng thống Venezuela Hugo Chávez đã kêu gọi *"Thành lập Quốc tế V"*.

Như vậy, thực tế khách quan của sự phát triển kinh tế, chính trị - xã hội toàn cầu đã và đang đặt ra nhu cầu mới mà nhân loại cần phải quan tâm, đặc biệt là mặt chính trị - xã hội của thể chế kinh tế toàn cầu trong thời đại toàn cầu hóa.

1. Các học thuyết đã từng chi phối nền kinh tế toàn cầu

Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới năm 1929-1933 đã ghi nhận sự thất bại của học thuyết "tự điều tiết" của trường phái kinh tế học cổ điển cả cũ và mới. Lý thuyết "bàn tay vô hình" của A. Smith và "cân bằng tổng quát" của L. Walras cũng không phát huy được hiệu quả. Sự phát triển nhanh chóng của lực lượng sản xuất đã đòi hỏi nhà nước can thiệp nhiều hơn vào nền kinh tế. Đây chính là những cơ sở hình thành và phát triển lý thuyết kinh tế của John Maynard Keynes.

Học thuyết của John Maynard Keynes chính thức ra đời từ năm 1936, nhưng phải đến những năm 1945 - 1950 quan điểm này mới chiếm ưu thế nổi trội. Keynes cho rằng, nhà nước phải can thiệp trực tiếp vào kinh tế để có thể sử dụng toàn bộ lao động, tức là tạo ra việc làm cho toàn xã hội, giải quyết tận gốc nạn thất nghiệp và góp phần tích lũy tư bản. Khái niệm nhà nước phúc lợi chung ra

Nguyễn Nhâm, Bộ Quốc phòng.

đòi từ đó, do nhà nước coi trọng những vấn đề xã hội, nhà nước có tác động không nhỏ đến việc điều tiết nền kinh tế. Đây là những nội dung nền tảng của học thuyết Keynes được nêu ra trong tác phẩm nổi tiếng "Lý thuyết chung về việc làm, lãi suất và tiền tệ" xuất bản năm 1936, có ảnh hưởng rất lớn đến tư duy kinh tế, chính trị đương thời và chính sách kinh tế của các nước tư bản chủ nghĩa trong thế kỷ XX.

Cũng trong thời gian này, năm 1944, Freidrich August von Hayek cũng đã xuất bản tác phẩm "Con đường dẫn tới sự nô lệ" nhằm phê phán mạnh mẽ học thuyết sự can thiệp nhà nước vào kinh tế của Keynes. Từ tác phẩm này của Hayek cũng làm xuất hiện một khái niệm: "Chủ nghĩa tự do mới". Mục đích của Hayek là chống lại mọi sự can thiệp của nhà nước đối với sự vận hành tự do của cơ chế thị trường. Những rào cản do các nhà nước dựng lên chẳng những ảnh hưởng đến tự do kinh tế mà còn tiềm ẩn những mối đe dọa về *chính trị*. Tuy chủ nghĩa tự do mới không phủ nhận vai trò điều tiết của nhà nước, nhưng nó chỉ muốn có một *nhà nước tối thiểu* hay nói đúng hơn là nó cần những nhà nước với quy mô do thị trường định đoạt, vận hành theo yêu cầu của thị trường.

Theo Hayek, phải để cho thị trường quyết định không chỉ là kinh tế, thương mại mà còn cả những vấn đề lớn về *xã hội* và *chính trị*; nhà nước phải giảm bớt vai trò của mình trong nền kinh tế; các tập đoàn tư bản phải được hoàn toàn tự do; cá nhân phải được coi trọng hơn tập thể; phải kiềm chế các công đoàn. Tuy nhiên, trong bối cảnh một thế giới tiêu điều, đổ nát sau hai cuộc chiến liên tiếp: Đại chiến thế giới lần thứ nhất (1914-1918) và Đại chiến thế giới lần thứ hai (1939-1945), ý tưởng của Hayek đã không được thực hiện, học thuyết *nhà nước can thiệp* của Keynes vẫn thắng thế trước *nhà nước tối thiểu* của Hayek.

Phải đến năm 1974, chủ nghĩa tự do mới của Hayek mới được khẳng định, lợi dụng

cuộc khủng hoảng kinh tế, tăng trưởng thấp và lạm phát cao, chế độ kim bản vị của đôla Mỹ bị Tổng thống Nixon hủy bỏ, làm cho học thuyết của Keynes mất vai trò thống trị và phải cáo chung, chủ nghĩa tự do mới của Hayek thay thế và giành vị thế độc tôn. Sự thay thế học thuyết Keynes của chủ nghĩa tự do mới có vai trò quan trọng, quyết định trong việc làm cho chủ nghĩa tư bản thích nghi và tiếp tục tồn tại, phát triển trong điều kiện cuộc cách mạng khoa học - công nghệ mới bùng phát.

2. Chủ nghĩa tư bản điều chỉnh - sự thích nghi của chủ nghĩa tư bản hiện đại

Vào những năm 90 của thế kỷ XX khi chủ nghĩa xã hội rơi vào khủng hoảng, thoái trào, chủ nghĩa tư bản không những không "giãy chết" mà còn tiếp tục phát triển, thậm chí còn có những bước phát triển ngoạn mục. Những con rồng, con hổ kinh tế như Nhật Bản và một số nước Đông Nam Á xuất hiện như là một minh chứng cho sự "vĩnh hằng" của chủ nghĩa tư bản hiện đại. Các nhà nghiên cứu lý luận và hoạch định chính sách của chủ nghĩa xã hội lúc đó không khỏi lúng túng khi luận giải học thuyết của Chủ nghĩa Mác-Lênin về "chủ nghĩa đế quốc giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản".

Để giải thích cho hiện tượng trên, các nhà lý luận tư sản đã đưa ra lý thuyết về chủ nghĩa tư bản hiện đại hay chủ nghĩa tư bản thích nghi, tự điều chỉnh... đây là một bước tiến về nhận thức lý luận; tuy nhiên người ta lại quá nhấn mạnh đến khả năng tự thích nghi, mà quên mất tính tự phát tư bản chủ nghĩa. Mặc dù trong chủ nghĩa tư bản hiện đại, nhà nước có vai trò rất quan trọng trong việc điều hành vĩ mô nền kinh tế thông qua pháp luật, khiến cho cơ chế tự điều chỉnh của chủ nghĩa tư bản có hiệu quả hơn. Tuy nhiên, cuộc đại khủng hoảng kinh tế của chủ nghĩa tư bản bắt nguồn từ thị trường tài chính - địa ốc Mỹ hồi đầu năm 2008 và sau đó lan ra toàn cầu đã chứng minh rằng: chủ nghĩa tư bản hiện đại đã không thể tránh

khỏi quy luật khủng hoảng kinh tế vốn có của nó mà các nhà kinh điển của Chủ nghĩa Mác-Lênin đã phát hiện từ những năm cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. Một câu hỏi lớn đã làm đau đầu các nhà lý luận tư sản rằng: vì sao chủ nghĩa tư bản hiện đại, đứng đầu là chủ nghĩa tư bản Mỹ, là nền kinh tế lớn nhất hành tinh, chiếm hơn 30% GDP thế giới lại không thể loại trừ, hạn chế hoặc khắc phục được cuộc đại khủng hoảng như nó đã diễn ra? Tuy các nhà nghiên cứu vẫn còn có các ý kiến khác nhau, nhưng đa số đã cho rằng: chủ nghĩa tư bản điều chỉnh chỉ làm trầm trọng thêm tính chất của các cuộc khủng hoảng kinh tế chu kỳ.

Chúng ta biết rằng chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước là sự tích hợp sức mạnh của tổ chức độc quyền với sức mạnh của nhà nước tư sản thành một cơ cấu thống nhất, trong đó nhà nước đóng vai trò trung tâm điều chỉnh nền kinh tế, nhằm bảo vệ lợi ích tối đa cho các tổ chức độc quyền, duy trì và củng cố quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa. Về đặc trưng bản chất của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước thể hiện trên hai khía cạnh: *thứ nhất*, sự tích hợp giữa hai thế lực, kinh tế và chính trị, tổ chức độc quyền và bộ máy nhà nước thành một cơ cấu thống nhất, trong đó nhà nước có chức năng bảo vệ cho các tổ chức độc quyền; *thứ hai*, nhà nước có vai trò là trung tâm điều chỉnh vĩ mô nền kinh tế bằng công cụ pháp luật.

Trải qua các giai đoạn phát triển quan trọng gắn với các cuộc cách mạng khoa học - công nghệ, nhất là những năm 80 của thế kỷ XX, với sự phát triển như vũ bão của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ mới đã dẫn đến toàn cầu hóa về kinh tế và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước đã chuyển hóa thành chủ nghĩa tư bản độc quyền xuyên quốc gia. Trong nền kinh tế toàn cầu hóa, các công ty độc quyền xuyên quốc gia, siêu quốc gia là lực lượng chủ đạo chi phối thị trường thế giới. Người ta đã thống kê (trước năm 2008) được rằng khoảng hơn 200 công ty khổng lồ xuyên quốc gia đã chiếm giữ

30% GDP của thế giới, thu hút 70% vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), chiếm 70% mậu dịch quốc tế và trên 70% các hợp đồng chuyển nhượng kỹ thuật - công nghệ của thế giới. Trong bối cảnh toàn cầu hóa với độ sâu và diện rộng như hiện nay, khi một trong các công ty xuyên quốc gia lâm vào khủng hoảng, thì tính hệ thống của nó cũng bị phá vỡ và sự tác động gây khủng hoảng toàn cầu là không tránh khỏi. Sự khủng hoảng của các "đại gia" tài chính ở Mỹ những năm vừa qua đã nói lên điều đó.

Về vai trò điều hành vĩ mô nền kinh tế của nhà nước tư bản chủ nghĩa, ngày nay nhiều nước tư bản chủ nghĩa đã có Luật Chống độc quyền, nhằm khuyến khích cạnh tranh bình đẳng trên cơ sở luật pháp như là một động lực của sự phát triển; tuy nhiên quy luật cạnh tranh "tự do" vẫn tiếp tục phát huy tác dụng, nhất là trong lĩnh vực cơ cấu kinh tế (ngành, vùng, lĩnh vực), đặc biệt là thị trường chứng khoán - thị trường phái sinh của nền kinh tế. Tính chất "ảo" của thị trường chứng khoán đã che lấp đi những tín hiệu thực của nền kinh tế, làm cho những dấu hiệu tiên khủng hoảng của nền kinh tế không biểu hiện rõ nét. Vì thế, vai trò điều chỉnh vĩ mô nền kinh tế của nhà nước tư bản chủ nghĩa đã bị "chủ quan hóa", để khi nhận ra thì đã quá muộn, điều đó giải thích vì sao giải pháp bơm tiền vào lưu thông để cứu vãn sự sụp đổ của các công ty tài chính của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) và Chính phủ Mỹ đã đưa lại hiệu quả hạn chế.

Thực tiễn nhiều năm qua đã cho thấy vai trò quản lý vĩ mô nền kinh tế của các nhà nước tư bản chủ nghĩa đã chứng minh rằng nó chỉ có thể làm giảm độ sâu biên độ của các cuộc khủng hoảng và kéo dài thời gian giữa các chu kỳ khủng hoảng. Nếu như thời kỳ chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh (thế kỷ XVIII, XIX) thời gian giữa các cuộc khủng hoảng chu kỳ thường là 8-10 năm, còn đến giai đoạn thống trị của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước thì khoảng cách giữa các chu kỳ khủng hoảng đã được kéo

dẫn ra và tính chất không đều của các cuộc khủng hoảng cũng xuất hiện. Cuộc khủng hoảng đầu tiên năm 1825-1828; tiếp đó là các cuộc khủng hoảng với quy mô, tính chất có sự khác nhau: năm 1914-1918; 1929-1933; 1939-1945 và các cuộc khủng hoảng kinh tế gần nhất là trước cuối thế kỷ XX, năm 1974-1975 và 1980-1982... Cuộc khủng hoảng kinh tế chu kỳ lần đầu tiên của thế kỷ XXI có sự khác biệt so với các cuộc khủng hoảng trước đây cả về quy mô và tính chất. Do tính chất thời đại nên các cuộc khủng hoảng kinh tế ngày nay thường không gắn liền với chiến tranh đế quốc để phân chia lại thị trường thế giới như trước đây. Tuy nhiên, những biểu hiện mới của khủng hoảng thường gắn liền với khủng hoảng tài chính, dầu mỏ, nguyên liệu và cơ cấu kinh tế, nhất là cơ cấu đầu tư, xuất - nhập khẩu... Điều đó cho thấy, sự tích lũy của các nhân tố tiền khủng hoảng lại là tiền đề cho các cuộc khủng hoảng lớn hơn - cuộc đại khủng hoảng kinh tế bắt nguồn từ Mỹ năm 2008 đã minh chứng cho điều đó. Như vậy, Chủ nghĩa tư bản điều chỉnh với tham vọng loại trừ quy luật khủng hoảng kinh tế chu kỳ là điều không thể.

Chúng ta không phủ nhận trong các thập kỷ cuối của thế kỷ XX, chủ nghĩa tư bản hiện đại đã có sự thích nghi đáng kể nên đã kéo dài sự tồn tại và phát triển của mình, nhà nước tư bản chủ nghĩa đã có những chính sách, giải pháp để hạn chế mặt tiêu cực của kinh tế thị trường. Tuy nhiên, sự can thiệp của nhà nước vào thị trường nói chung bao gồm cả thị trường chứng khoán cũng chỉ là giảm bớt độ sâu biên độ của chu kỳ khủng hoảng chứ không thể khắc phục hoàn toàn tính chu kỳ của khủng hoảng kinh tế. Cần thiết phải nhắc lại rằng C.Mác trong khi đánh giá rất cao vai trò của con người, vai trò nhân tố chủ quan, "con người không chỉ nhận thức thế giới mà còn cải tạo thế giới" nhưng C.Mác cũng cho rằng có điều mà con người không thể làm được, đó là: xóa đi một quy luật này hay tạo ra một quy luật

khác. Con người dù có thiên tài đến đâu cũng chỉ có thể vận dụng quy luật bằng cách tác động vào những yếu tố, điều kiện, môi trường mà quy luật đang vận động theo hướng có lợi cho mình mà thôi. Điều này rất quan trọng khi xem xét nguyên nhân và tìm giải pháp để thoát khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới hiện nay, trong đó có giải pháp cắt giảm lãi suất ngân hàng, bơm tiền vào lưu thông, cắt giảm hay duy trì biện pháp kích cầu đang được thực hiện ở Mỹ, Tây Âu và một số nước trên thế giới...

3. Chủ nghĩa tự do mới không thể níu kéo lịch sử

Chủ nghĩa tự do mới đã trở thành chủ thuyết phát triển của chủ nghĩa tư bản hiện đại hay còn gọi là chủ nghĩa tư bản điều chỉnh đã trở thành mô hình phát triển của hầu hết các nước tư bản phát triển và nó đã chi phối nền kinh tế toàn cầu - nhất là từ sau khi mô hình chủ nghĩa xã hội Liên Xô, Đông Âu sụp đổ, chiến tranh lạnh kết thúc, nước Mỹ trở thành siêu cường duy nhất. Ngay từ năm 1992, cựu Tổng thống Mỹ ông Richard Nixon đã dự báo: "Thế kỷ XXI có thể là thế kỷ đầu tiên trong đó đa số nhân dân thế giới được hưởng tự do kinh tế, vì thế kỷ XX đã dạy cho chúng ta bốn bài học kinh tế lớn: "chủ nghĩa cộng sản, chủ nghĩa xã hội, kinh tế do nhà nước chỉ huy không mang lại hiệu quả. Chỉ có thị trường tự do mới giải phóng triệt để tài năng sáng tạo của cá nhân và là động cơ của sự tiến bộ". Thời đó ông Nixon còn khẳng định: "Bí quyết thành công của Mỹ là ở chỗ thành công đó không phụ thuộc vào chính phủ mà đều do các thiết chế tư nhân và nhiều nhân tố cấu thành của xã hội tự do làm ra". Sự chủ động của tư nhân và cạnh tranh cũng như sức mạnh quân sự là những chủ đề xuyên suốt trong tư duy kinh tế chính trị thời Nixon.

Trên thực tế, chủ nghĩa tự do mới đã được thực hiện một cách có chủ đích rõ ràng nhằm tước bỏ các công cụ và chế độ hỗ trợ cho những người nghèo, kẻ yếu; nó dồn tiền

của, sức lực cho những nhà tư bản lớn nhân danh mở rộng tái sản xuất để cuối cùng, theo họ, sẽ làm lợi cho cả người nghèo thông qua hiệu ứng "thấm thấu". Tuy nhiên, trên thực tế, mọi việc lại không diễn ra như vậy, cái mà chủ nghĩa tự do mới mang lại là hố phân cách giàu - nghèo ngày càng sâu hơn, rộng hơn. Vì thế khi đi sâu vào thực chất của chủ nghĩa tự do mới, sự thành công lại không được như mong đợi tại Mỹ - nền kinh tế lớn nhất hành tinh. Chủ nghĩa tự do mới với hàng loạt chính sách như: tiền tệ, để giảm lạm phát và duy trì cán cân tài chính thường thực hiện bằng cách giảm chi tiêu công và tăng lãi suất; thị trường lao động "linh hoạt" bằng cách bỏ sự điều tiết của nhà nước về thời gian lao động và cắt giảm phúc lợi xã hội; tự do hóa thương mại và tài chính bằng cách "tư hữu hóa bất cứ thứ gì tư nhân có thể làm được"... Những chính sách đó thực sự là cuộc tiến công của các đại gia tư bản tài chính các nước tư bản phát triển đối với nhân dân lao động toàn thế giới. Trong xã hội các nước đi theo chủ nghĩa tự do mới, tuy có thu được một số thành quả nhất định trong vài thập kỷ qua, nhưng những nỗ lực phát triển càng về sau càng bị đảo ngược. Sự bất bình đẳng trong thu nhập và tài sản đã đạt tới mức chưa từng có, nhân dân lao động bị bần cùng hóa tương đối đã thực sự diễn ra đúng như C.Mác đã trình bày trong Tư bản luận. Ngày nay một loạt nước rơi vào tình cảnh nghèo khổ, điều đó giải thích vì sao các cuộc đàm phán Doha cứ đi vào ngõ cụt.

Như vậy, chủ nghĩa tự do mới một mặt đã đem lại những thành công tại các nước phát triển và đang phát triển trong những thập kỷ vừa qua; mặt khác, nó cũng đưa lại những thách thức nghiêm trọng trong mấy năm gần đây, nhất là từ đầu năm 2008 đến nay. Tại Mỹ, cung - cầu, tiền - hàng mất cân đối nghiêm trọng: trong 100% GDP của Mỹ chỉ có 3 lĩnh vực đóng góp chủ yếu (nông nghiệp 0,9%, công nghiệp 20,6%, dịch vụ 78,5%). Trong lĩnh vực dịch vụ lại chỉ có 3 khu vực đóng góp nhiều nhất là tài chính,

địa ốc và y tế. Tình trạng "hàng hóa ảo" gia tăng, thị trường địa ốc bị chứng khoán hóa, do sự lạm dụng thị trường chứng khoán quá mức, bàn tay hữu hình bị buông lỏng. Những doanh nghiệp vừa và nhỏ đóng góp 35% GDP, tạo ra 70% việc làm cho xã hội nhưng lại không tiếp cận được các khoản vay lớn, vì các đại gia tài chính chỉ ưu tiên cho vay trên lĩnh vực bất động sản, khi khủng hoảng ập đến, các hộ kinh doanh gia đình Mỹ đã phải gánh số nợ khổng lồ lên đến 13.000 tỷ USD. Nợ nước ngoài của nền kinh tế Mỹ tăng nhanh, năm 2006 mới chỉ là 1 tỷ USD/ngày nhưng đến năm 2008 đã lên con số 2,5 tỷ USD/ngày; từ một nước xuất khẩu lớn nhất thế giới, nay Mỹ trở thành nước nhập khẩu lớn nhất thế giới; từ một nước có nguồn cung tín dụng quan trọng và đáng tin cậy nhất, thì nay trở thành nước đi vay tín dụng với số lượng đáng kể, 60% tiền mặt lưu thông ở nước ngoài đang bị mất dần tín nhiệm trong hệ thống tiền tệ thế giới.

Thực tiễn ngày nay đã chứng minh rằng: thị trường không thể là nhân tố quyết định tuyệt đối kinh tế, chính trị - xã hội của thế giới..., thị trường chỉ là nơi để tìm kiếm lợi nhuận chứ không phải nơi làm nên những giá trị cao đẹp vĩnh hằng. Trước những biến thiên của thị trường, do hệ thống quy luật kinh tế khách quan vận động, điều tiết; tuy nhiên, con người vẫn là nhân tố quyết định thông qua vai trò điều hành vĩ mô của nhà nước bằng hệ thống công cụ chính sách và cơ chế nhằm vào những điều kiện kinh tế khách quan làm cho quy luật vận động có lợi nhất cho nhu cầu của con người. Cuộc đại khủng hoảng kinh tế toàn cầu hiện nay chứng minh rằng chủ nghĩa tự do mới với hệ thống giá trị của nó đã sụp đổ, nó không thể níu kéo lịch sử, không thể là viên "linh đan" để tạo ra sự vĩnh hằng của chủ nghĩa tư bản.

4. Phải chăng nhân loại cần sự trở lại của Học thuyết Mác - Lênin và hướng tới CNXH đích thực?

Từ khi chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước ra đời đến nay với việc áp dụng các học

thuyết kinh tế khác nhau đã làm cho chủ nghĩa tư bản tồn tại, phát triển thích ứng với những điều kiện mới. Tuy nhiên, chưa có học thuyết nào hạn chế được khủng hoảng chu kỳ - quy luật vốn có của chủ nghĩa tư bản, trái lại, trong quá trình thích nghi để tiếp tục phát triển nó còn tích lũy những nhân tố tiền khủng hoảng, làm cho tính chất và quy mô của các cuộc khủng hoảng càng về sau càng trầm trọng và sâu rộng hơn.

Chủ nghĩa tư bản điều chỉnh với học thuyết tự do mới tuy có làm cho kinh tế các nước tư bản phát triển mạnh trong vài thập kỷ, nhưng nó đã không tránh được khủng hoảng chu kỳ, mà còn tạo ra một thị trường "ảo" lớn nhất hành tinh và gây nên cuộc đại khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu khởi nguồn từ Mỹ như hiện nay. Vì thế, lời kêu gọi "tái xây dựng một chủ nghĩa tư bản điều chỉnh"; hình thành một "cơ chế quản lý kinh tế toàn cầu mới" và thành lập quốc tế V là xuất phát từ những cơ sở thực tế khách quan.

Như vậy, sự sụp đổ của hệ thống tài chính Mỹ và các nước trong hệ thống tư bản chủ nghĩa lần này không phải do nguyên nhân bên ngoài, mà chính từ trong bản chất của hệ thống chính trị và tài chính tư bản chủ nghĩa. Các tập đoàn tài chính Mỹ và các nước phát triển trong hệ thống tư bản chủ nghĩa đã không phải chịu sự kiểm soát của nhà nước, nên đã tự sản sinh ra kẻ "đánh bom" vào hệ thống đó. Trong cuộc đại khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản hiện nay, hơn lúc nào hết cần phải tìm ra một cơ chế mới cho vai trò của nhà nước đối với thị trường trong từng quốc gia và trên phạm vi toàn cầu, như nhà kinh tế P.A.Samuelson từng nói: "Người ta không thể vỗ tay bằng một bàn tay".

Tuy nhiên, điều đặc biệt cần phải quan tâm là, Mỹ và các nước tư bản chủ nghĩa phát triển cũng đã từng áp dụng học thuyết của John Maynard Keynes khi đề cao vai trò điều tiết của nhà nước, lý thuyết kinh tế hỗn hợp của P.A.Samuelson khi cần điều hòa

mối quan hệ này "nhà nước ít hơn, thị trường nhiều hơn" hay "nhiều như có thể, ít mà cần thiết", nhưng rồi những học thuyết đó cũng đã thoái trào để nhường chỗ cho "giảm thiểu vai trò can thiệp của nhà nước" (nhà nước tối thiểu) và cũng đã không thành công. Trong bối cảnh hiện nay, người ta còn lo ngại hơn về nguy cơ quay trở lại của "chủ nghĩa bảo hộ". Rõ ràng là, để nhanh chóng thoát khỏi tình trạng suy thoái hiện nay và tạo dựng sự phát triển *cân bằng và bền vững*, thế giới đang cần một lời giải mới, không chỉ đơn thuần là đi tìm vai trò và xác định liều lượng can thiệp của nhà nước, mà có lẽ, sâu xa hơn, đó là xây dựng nhà nước như thế nào? Điều này, cả John Maynard Keynes và Friedrich August von Hayek đều không nói đến. Vì thế, dự báo sự trở lại với học thuyết Mác - Lênin và hướng tới chủ nghĩa xã hội đích thực và sự hình thành lực lượng chính trị quốc tế mới là phản ánh nhu cầu khách quan của đời sống kinh tế - chính trị - xã hội thế giới trong thời đại ngày nay./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thị Bình: Nhận diện chủ nghĩa tự do mới. Lãnh đạo.Net, cập nhật ngày 8-2-2008.
2. Language-Tiếng Việt: Chủ nghĩa tự do kinh tế? Đặc điểm của chủ nghĩa tự do mới, cập nhật ngày 1-6-2008.
3. Saga.vn: Trường phái kinh tế Keynes.
4. Trần Hữu Phước: Chủ nghĩa xã hội thế kỷ XXI - Sự trỗi dậy của Mỹ Latinh. Sài Gòn online, cập nhật ngày 2-7-2009.
4. Nguyễn Chiến: Thế giới cần cơ chế và công cụ mới. Tài nguyên và Môi trường, cập nhật ngày 8-4-2009.
5. Thế giới: G-20 tìm khuôn khổ phát triển mới. Cập nhật ngày 18-10-2009.
6. TTXVN/Vietnam: Tổng thống Venezuela kêu gọi thành lập Quốc tế V, cập nhật ngày 22-11-2009.